

# KHẢO SÁT TÌNH HÌNH TÌM KIẾM TÀI LIỆU TRỰC TUYẾN PHỤC VỤ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ

*Hoàng Thị Bạch Yến, Phạm Thị Hải, Hoàng Đình Tuyền,*

*Lê Thị Hương, Võ Văn Thắng*

*Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế*

## **Tóm tắt**

**Đặt vấn đề:** Trong giáo dục đại học, việc khai thác thông tin và sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập là một yêu cầu tất yếu nhằm phục vụ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên, giúp người học chủ động trong nghiên cứu, tìm tri thức, đồng thời là phương tiện có thể sử dụng để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên. **Mục tiêu:** 1. Khảo sát tình hình sử dụng internet để tìm kiếm tài liệu và phục vụ học tập của sinh viên; 2. Tìm hiểu tình hình tập huấn, hướng dẫn tìm kiếm tài liệu trực tuyến cho sinh viên; 3. Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến của sinh viên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 346 sinh viên ngành Y từ năm 1 đến năm 6 hệ chính quy đang học tại trường Đại học Y Dược Huế năm 2013. **Kết quả:** 96,2% sinh viên có sử dụng internet; 91,6% sinh viên sử dụng internet tại nhà; 79,2% sinh viên sở hữu điện thoại di động có thể truy cập được internet; 15,9% sinh viên có được hướng dẫn, tập huấn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến. Những yếu tố hạn chế việc tìm tài liệu trực tuyến đối với sinh viên là không biết cách tìm tài liệu (49,7%), hoàn cảnh gia đình (45,7%), máy tính không kết nối internet (43,4%). **Kết luận:** Tìm kiếm tài liệu trực tuyến là một trong những kỹ năng cần thiết nhất để giúp sinh viên Y học tập đạt kết quả cao.

**Từ khóa:** *Internet, tài liệu trực tuyến, sinh viên Y.*

## **Abstract**

### **STUDY ON SEARCHING FOR ONLINE DOCUMENTATION OF HUE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY STUDENTS**

*Hoang Thi Bach Yen, Pham Thi Hai, Hoang Dinh Tuyen,*

*Le Thi Huong, Vo Van Thang*

*Hue University of Medicine and Pharmacy, Hue University*

**Background:** In undergraduate education, the exploitation of information and use of the Internet in teaching and learning is an indispensable requirement to serve requests renewal of teaching methods of teachers, help students actively in research, seek knowledge, and the means can be used to examine and evaluate the learning outcomes of students. **Objectives:** 1. Survey on the use of the internet for searching and learning of students; 2. Study the training, guidance for digital resource for students; 3. Understand the factors that affect online documentation of students. **Methodology:** A cross-sectional study was implemented on 346 students of general doctor from 1<sup>st</sup> to 6<sup>th</sup> year. **Results:** 96.2% of students using internet; 91,6% using internet at home. 79.2% of students owning mobile phones can access the internet. 15.9% of students had been guided, trained for searching online documentation. The limiting factors in finding online materials for students was that did not know how to search online documentation (49.7%), family condition (45.7%), the computer was not connected to the internet (43.4). **Conclusion:** Searching for online documentation is one of the most essential skills to help medical students get high results.

**Key words:** *Internet, online documentation, medical students.*

- Địa chỉ liên hệ: Hoàng Thị Bạch Yến, email: bachyenbs@gmail.com

DOI: 10.34071/jmp.2015.3.13

- Ngày nhận bài: 31/3/2015 \* Ngày đồng ý đăng: 8/6/2015 \* Ngày xuất bản: 10/7/2015

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, nhờ sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin, đặc biệt là internet đã đem lại cho nhân loại nhiều lợi ích không thể phủ nhận. Số người sử dụng internet ngày càng gia tăng, trong đó có Việt Nam. Thống kê của Trung tâm số liệu Internet quốc tế, tính tới thời điểm ngày 31/3/2012, 34,1% người Việt Nam có sử dụng internet [6], đối tượng sử dụng chủ yếu là giới trẻ từ 15 đến 24 tuổi, trong đó một phần lớn là sinh viên.

Ngày nay, cùng với sự tiến bộ khoa học kỹ thuật, sinh viên y khoa không chỉ bị giới hạn trong những quyển sách, mô hình sẵn có ở thư viện mà họ còn có cơ hội tiếp cận với hệ thống thư viện điện tử quy mô toàn thế giới. Ở đó, sinh viên có thể tìm kiếm, chia sẻ những bài học, những thông tin bổ ích. Ngoài ra, họ còn có thể tìm kiếm những đoạn video, hình minh họa trực quan sinh động... phù hợp với mục tiêu học tập của mình.

Trong giáo dục đại học, việc khai thác thông tin và sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập là một yêu cầu tất yếu nhằm phục vụ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên, giúp người học chủ động trong nghiên cứu, tìm tri thức, đồng thời là phương tiện có thể sử dụng để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên [5].

Cùng với sự phát triển về quy mô đào tạo, chất lượng đào tạo hiện cũng đang được quan tâm chú trọng. Bên cạnh phương pháp giảng dạy truyền thống thì phương pháp dạy học tích cực đang được sử dụng ngày càng nhiều, trong đó người học đóng vai trò rất quan trọng. Để có thể học tập hiệu quả, sinh viên phải phát huy tính năng động, sáng tạo của mình và phải trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết. Sử dụng Internet và trang bị những kỹ năng tìm kiếm tài liệu trên internet là những kỹ năng mềm giúp sinh viên học tập đạt hiệu quả cao.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, chúng tôi nghiên cứu đề tài này với mục tiêu sau:

1. Khảo sát tình hình sử dụng internet để tìm kiếm tài liệu và phục vụ học tập của sinh viên
2. Tìm hiểu tình hình tập huấn, hướng dẫn tìm kiếm tài liệu trực tuyến cho sinh viên
3. Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến của sinh viên.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành trên sinh viên từ năm 1 tới năm 6 ngành Y hệ chính quy (bao gồm Y đa khoa và Y học dự phòng) đang học tại trường Đại học Y Dược Huế.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

#### 2.2.2. Cỡ mẫu:

Tính theo công thức: [2]

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Với độ tin cậy 95% ( $\alpha = 0,05$ ) thì  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$

p: tỷ lệ người sử dụng internet tại Việt Nam.

Theo nghiên cứu của tác giả Trần Minh Trí và Đỗ Minh Hoàng, tỷ lệ sử dụng internet của sinh viên trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh là 74,6% [4] nên chúng tôi chọn  $p = 0,75$ .

d: mức chính xác mong muốn, chọn  $d = 0,05$ .

Từ công thức trên ta tính được:  $n = 288,1$ . Cộng thêm 20% tính được cỡ mẫu là 346 sinh viên.

#### 2.2.3. Phương pháp chọn mẫu

Mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu 2 giai đoạn.

- Giai đoạn 1: Chọn ngẫu nhiên một số lớp
- Giai đoạn 2: Chọn ngẫu nhiên một số sinh viên từ các lớp đã chọn.

### 2.3. Thời gian nghiên cứu

Tháng 3 đến tháng 10 năm 2013.

### 2.4. Phương pháp và kỹ thuật thu thập số liệu

- Sử dụng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn
  - Liên hệ cộng tác viên tại các lớp (ban cán sự lớp) để nói rõ mục đích và yêu cầu sự hợp tác.
  - Tiến hành phát phiếu để sinh viên tự điền.
- Giải đáp thắc mắc trực tiếp cho sinh viên nếu cần.

### 2.5. Xử lý số liệu

Nhập và xử lý số liệu bằng chương trình SPSS 15.0 và Microsoft Office Excel.

### 2.6. Đạo đức nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu có quyền tình nguyện tham gia hoặc từ chối nghiên cứu.
- Thông tin về đối tượng nghiên cứu sẽ được bảo mật và mã hóa.

### 3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

#### 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành ở 346 sinh viên ngành Y từ năm 1 đến năm 6 (bao gồm cả Y đa khoa và Y học dự phòng) hệ chính quy, tuổi trung bình  $21,4 \pm 1,7$ .

**Bảng 3.1.** Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu		n	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	162	46,8
	Nữ	184	53,2
	<b>Tổng</b>	<b>346</b>	<b>100,0</b>
Năm học thứ	1	33	9,5
	2	46	13,3
	3	46	13,3
	4	88	25,5
	5	62	17,9
	6	71	20,5
	<b>Tổng</b>	<b>346</b>	<b>100,0</b>
Ngành học	Y đa khoa	293	84,7
	Y học dự phòng	53	15,3
	<b>Tổng</b>	<b>346</b>	<b>100,0</b>

#### 3.2. Tình hình sử dụng Internet để tìm kiếm tài liệu phục vụ học tập của sinh viên

Trong tổng số 346 sinh viên được hỏi, có 333 sinh viên có sử dụng internet, chiếm tỷ lệ 96,2%, cao hơn có ý nghĩa thống kê so với tỷ lệ 74,6% của các tác giả Trần Minh Trí và Đỗ Minh Hoàng khi nghiên cứu trên đối tượng sinh viên Đại học Nông lâm tại thành phố Hồ Chí Minh [4]. Có thể giải thích do sinh viên Y khoa có nhu cầu sử dụng internet cao hơn sinh viên Nông lâm, tìm kiếm tài liệu y khoa trong và ngoài nước để có thể thường xuyên cập nhật kiến thức phục vụ việc học.

Số năm trung bình sử dụng internet là  $5,7 \pm 3,2$  năm, số năm sử dụng internet cao nhất trong sinh viên là 18 năm.

Những nguồn tham khảo chính của sinh viên

khi cần tìm tài liệu học tập là internet (93,4%), sách chuyên khảo (66,5%), báo, tạp chí (13,6%)

Trong xu thế hội nhập hiện nay, internet trở thành một nguồn cung cấp thông tin quan trọng, gần như không thể thiếu cho tất cả mọi người. Đây là một công cụ thuận tiện để tiếp cận nhanh và dễ dàng đến một lượng thông tin khổng lồ và phong phú trên khắp thế giới, trong mọi lĩnh vực [1].

#### 3.2.1. Địa điểm sử dụng internet

**Bảng 3.2.** Địa điểm sử dụng internet

Địa điểm	n	Tỷ lệ (%)
Thư viện trường	11	3,2
Tại nhà	317	91,6
Trung tâm học liệu	41	11,8
Tại quán internet/quán café có wifi	42	12,1
Wifi tại trường/khoa	53	15,3
Khác	7	2,0

91,6% sinh viên sử dụng internet tại nhà. Những địa điểm khác sinh viên thường sử dụng internet bao gồm mạng wifi tại trường/khoa (15,3%), quán internet/quán café có wifi (12,1%) và trung tâm học liệu (11,8%). Kết quả của Trần Minh Trí và Đỗ Minh Hoàng cũng cho thấy chủ yếu sinh viên nông lâm truy cập internet tại nơi ở (87,8%), trường học (19,7%) và quán cà phê (7,0%) [4].

Trong những năm gần đây, Việt Nam có tốc độ phát triển Internet nhanh với nhiều loại hình dịch vụ truy cập Internet đa dạng, vì thế số người sử dụng các dịch vụ này đan xen lẫn nhau, một người có thể sử dụng nhiều loại hình truy cập Internet và ở nhiều nơi, các hộ gia đình, các tổ chức cũng có sự thay đổi lựa chọn đa dạng dịch vụ kết nối với chất lượng, băng thông khác nhau thay vì chỉ kết nối ADSL truyền thống. Vì thế, Việt Nam đã liên tục trong top 20 những quốc gia có người sử dụng Internet nhiều nhất từ năm 2010 (đứng vị trí 20) [6]. Bên cạnh việc sử dụng internet tại nhà, việc truy cập internet tại các địa điểm khác nhau nhờ mạng wifi giúp việc tiếp cận internet của sinh viên được thuận lợi hơn.

### 3.2.2. Người giới thiệu sử dụng internet

**Bảng 3.3.** Người giới thiệu sử dụng internet

Phương tiện	n	Tỷ lệ (%)
Bạn bè	171	49,4
Người thân	59	17,1
Thầy, cô giáo	37	10,7
Tự tìm hiểu	135	39,0
Khác	4	1,2

Người giới thiệu sinh viên sử dụng internet chiếm tỷ lệ cao nhất là bạn bè (49,4%). Bên cạnh đó, có 39,0% sinh viên tự tìm hiểu để sử dụng internet. Điều đó cho thấy bạn bè có ảnh hưởng mạnh nhất đến việc tiếp cận internet của sinh viên và việc tự học, tự tìm hiểu là phần không thể thiếu trong việc học của sinh viên.

Có 274 (79,2%) sinh viên sở hữu điện thoại di động có thể truy cập được internet và 240 (69,4%) sinh viên sử dụng điện thoại di động để tìm kiếm tài liệu/đọc thông tin phục vụ học tập. Tần suất sử dụng điện thoại di động để tìm kiếm tài liệu/đọc thông tin phục vụ học tập trung bình là  $4,1 \pm 6,3$  lần/ngày.

### 3.2.3. Ưu, nhược điểm của việc sử dụng internet

#### 3.2.3.1. Ưu điểm của việc sử dụng internet

**Bảng 3.4.** Ưu điểm của việc sử dụng internet

Ưu điểm	n	Tỷ lệ (%)
Nhanh	251	72,5
Bổ ích	21	6,1
Rẻ tiền	25	7,2
Dễ hiểu	6	1,7
Có nhiều thông tin ngoài bài học	15	4,3
Đa dạng, phong phú, nhiều chuyên ngành	162	46,8
Tiện lợi, mọi lúc mọi nơi	97	28,0
Dễ sử dụng, dễ dàng	35	10,1
Chính xác	4	1,2
Thông tin cập nhật	26	7,5
Có nhiều mục để giải trí	12	3,5

Những ưu điểm lớn nhất của việc sử dụng internet mà sinh viên nhận biết được bao gồm: truy cập nhanh chóng (72,5%), thông tin phong phú, đa dạng, nhiều chuyên ngành (46,8%) và tiện lợi, có thể tiến hành mọi lúc, mọi nơi (28,0%). Đây cũng là những điểm nổi trội khiến các nhà cung cấp dịch vụ triển khai loại hình đào tạo trực tuyến vốn khá phổ biến trong giới sinh viên hiện nay. Với những ưu điểm như thời gian linh hoạt, chi phí thấp, kiến thức mới mẻ, cập nhật nhanh, bài giảng xem đi xem lại nhiều lần... [3] giúp tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nhiều lớp học khác ngoài giờ học chính khóa, giúp cải thiện kỹ năng và cung cấp thêm kiến thức cho sinh viên trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3.2.3.2. Nhược điểm của việc sử dụng internet

**Bảng 3.5.** Nhược điểm của việc sử dụng internet

Nhược điểm	n	Tỷ lệ (%)
Mất thời gian	60	17,3
Dễ sa đà, sao nhãng vì xem phim, nghe nhạc, trò chơi (game)...	77	22,3
Thông tin không được kiểm chứng, thiếu chính xác	133	38,4
Khó tìm lại những trang đã đọc	4	1,2
Phải tải xuống mới đọc được	3	0,9
Tùy thuộc dung lượng, hết dung lượng không dùng được	2	0,6
Hại sức khỏe	23	6,7
Tốn tiền	34	9,8
Không chuyên sâu	39	11,3
Phải có máy tính nối mạng, wifi, 3G	21	6,1

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, việc sử dụng internet cũng có những mặt hạn chế. Những nhược điểm chính mà sinh viên đưa ra bao gồm: thông tin không được kiểm chứng, thiếu chính xác (38,4%), dễ sa đà, sao nhãng vì xem phim, nghe nhạc, trò chơi (game) (22,3%), mất thời gian (17,3%) và kiến thức không chuyên sâu (11,3%). Đây cũng chính là mặt trái của việc sử dụng internet, cảnh

báo cho những người sử dụng internet, đồng thời cũng là vấn đề liên quan đến việc quản lý sử dụng internet.

### 3.3. Tình hình tập huấn, hướng dẫn tìm kiếm tài liệu trực tuyến cho sinh viên

#### 3.3.1. Lợi ích của việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến

**Bảng 3.6.** Lợi ích của việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến

Lợi ích	n	Tỷ lệ (%)
Tìm kiếm tài liệu nhanh, tức thời	319	92,2
Tiết kiệm thời gian	198	57,2
Tiện lợi, có thể tiến hành mọi lúc	264	76,3
Tiết kiệm chi phí mua các tài liệu in/photo	248	71,7
Thông tin cập nhật	254	73,4
Thông tin dễ hiểu	61	17,6
Không mang lại lợi ích nào cả	3	0,9
Có nhiều video, hình ảnh trực quan, sinh động	3	0,9

Không những đối với sinh viên mà những cán bộ y tế cũng nhận thấy và tận dụng những lợi ích của việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến. Những ích lợi lớn nhất theo ý kiến của sinh viên bao gồm: tìm kiếm tài liệu nhanh, tức thời (92,2%), tiện lợi, có thể tiến hành mọi lúc (76,3%), thông tin cập nhật (73,4%)...

Trên giảng đường, khi cần tìm kiếm câu trả lời cho một vấn đề nào đó, 224 (64,7%) sinh viên có dùng điện thoại để vào mạng tìm kiếm tài liệu.

Thời gian tìm tài liệu trực tuyến của sinh viên trung bình  $1,8 \pm 1,4$  giờ/ngày

69 (19,9%) sinh viên có được hướng dẫn, tập huấn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến.

#### 3.3.2. Người hướng dẫn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến

**Bảng 3.7.** Người hướng dẫn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến

Người hướng dẫn	n	Tỷ lệ (%)
Thầy, cô/Cán bộ nhà trường	23	6,7
Người thân	9	2,6
Bạn bè	28	8,1
Thầy cô ở các trung tâm tin học	9	2,6
Tự học	55	15,9
Khác	4	1,2

15,9% sinh viên tự tìm hiểu cách tìm tài liệu trực tuyến. Những người khác hướng dẫn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến cho sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất là bạn bè (8,1%) và thầy, cô/cán bộ nhà trường (6,7%). Kết quả này một lần nữa khẳng định vai trò tự học, tự tìm hiểu của sinh viên và vai trò của bạn bè trong việc học tập của sinh viên. Cần phát huy hai yếu tố này nếu muốn thực hiện một giải pháp nào đó để nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

#### 3.3.3. Sự cần thiết của việc được hướng dẫn, tập huấn cách tìm tài liệu trực tuyến

**Bảng 3.8.** Sự cần thiết của việc được hướng dẫn, tập huấn cách tìm tài liệu trực tuyến

Sự cần thiết	n	Tỷ lệ (%)
Rất cần thiết	103	29,8
Cần thiết	162	46,8
Có hay không đều được	57	16,5
Không cần thiết	16	4,6
Rất không cần thiết	8	2,3
<b>Tổng</b>	<b>346</b>	<b>100,0</b>

76,6% sinh viên cho rằng việc hướng dẫn, tập huấn tìm tài liệu trực tuyến cho sinh viên là rất cần thiết hoặc cần thiết. Có 2,3% sinh viên cho rằng việc này là rất không cần thiết vì sinh viên có thể tự tìm hiểu được.

#### 3.3.4. Tổ chức/ đoàn thể/ người thích hợp để tổ chức các khóa hướng dẫn, tập huấn tìm kiếm tài liệu cho sinh viên

**Bảng 3.9.** Tổ chức/ đoàn thể/ người thích hợp để tổ chức các khóa hướng dẫn, tập huấn tìm kiếm tài liệu cho sinh viên

Tổ chức/cá nhân	n	Tỷ lệ (%)
Đoàn thanh niên	64	19,6
Hội sinh viên	86	26,3
Phòng đào tạo đại học	51	15,6
Dự án	106	32,4
Khác	20	6,1
<b>Tổng</b>	<b>327</b>	<b>100,0</b>

Theo sinh viên, các dự án nên đóng vai trò cầu nối để tổ chức các khóa hướng dẫn, tập huấn

tìm kiếm tài liệu cho sinh viên (32,4%), sau đó là Hội sinh viên (26,3%) và Đoàn thanh niên (19,6%).

### 3.3.5. Ý kiến về việc phải đóng kinh phí để mời người hướng dẫn, tập huấn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến

**Bảng 3.10.** Ý kiến về việc phải đóng kinh phí để mời người hướng dẫn, tập huấn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến

Ý kiến	n	Tỷ lệ (%)
Rất sẵn lòng	40	12,0
Sẵn lòng	157	47,0
Không tham gia	137	41,0
<b>Tổng</b>	<b>334</b>	<b>100,0</b>

Việc đóng góp kinh phí để tham gia lớp học vẫn được sinh viên ủng hộ với tỷ lệ cao (59%).

### 3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến của sinh viên

#### 3.4.1. Phương tiện sinh viên sử dụng để phục vụ cho việc học

**Bảng 3.11.** Phương tiện phục vụ việc học của sinh viên

Phương tiện	n	Tỷ lệ (%)
Máy tính để bàn	54	15,6
Laptop	279	80,6
Máy tính tại thư viện trường	1	0,3
Máy tính tại Trung tâm học liệu	22	6,4
Máy tính tại quầy dịch vụ công cộng	7	2,0
Máy tính mượn của bạn bè, người thân	16	4,6
Không sử dụng máy tính	4	1,2

Phương tiện sử dụng phục vụ cho việc học tập của sinh viên ngành Y chủ yếu là laptop (80,6%). Có 1,2% sinh viên không sử dụng máy tính cho việc học, có lẽ do chúng tôi khảo sát trên những sinh viên từ năm 1 đến năm 6, nhu cầu sử dụng máy tính của những sinh viên mới vào trường còn chưa cấp thiết hoặc do một số yếu tố khác gây hạn chế sử dụng.

#### 3.4.2. Những yếu tố hạn chế việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến của sinh viên

**Bảng 3.12.** Những yếu tố hạn chế việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến của sinh viên

Yếu tố hạn chế	n	Tỷ lệ (%)
Hoàn cảnh gia đình (không có máy tính, không có tiền thuê máy/sử dụng dịch vụ bên ngoài...)	158	45,7
Không biết cách tìm tài liệu	172	49,7
Thời gian/chương trình học quá nhiều	125	36,1
Máy tính không kết nối internet	150	43,4

Những yếu tố hạn chế lớn nhất đối với sinh viên là không biết cách tìm tài liệu (49,7%), hoàn cảnh gia đình (45,7%) và máy tính không kết nối internet (43,4%). Tổ chức hướng dẫn cách tìm kiếm tài liệu cho sinh viên là việc làm cần thiết để khắc phục một trong những hạn chế đã nêu. Nhà trường đã có mạng không dây wifi giúp sinh viên có điều kiện truy cập Internet tại trường, đây là một thuận lợi cho việc học tập của sinh viên.

#### 3.4.3. Kiến nghị để việc tìm kiếm tài liệu trở nên phổ biến trong sinh viên

**Bảng 3.13.** Kiến nghị để việc tìm kiếm tài liệu trở nên phổ biến trong sinh viên

Kiến nghị	n	Tỷ lệ (%)
Mở phòng trực tuyến ở tiền sảnh	22	6,4
Có người hướng dẫn sinh viên	46	13,3
Cung cấp phương tiện cho sinh viên	19	5,5
Tổ chức câu lạc bộ chia sẻ tài liệu trực tuyến	17	4,9
Tập huấn cho cán bộ lớp, Đoàn, Hội	9	2,6
Nâng tốc độ đường truyền, phủ sóng wifi toàn trường	70	20,2

Mặc dù nhà trường đã phủ sóng wifi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học tại trường, tuy nhiên chất lượng đường truyền còn nhiều hạn chế. Năng tốc độ đường truyền là kiến nghị chiếm tỷ lệ cao nhất (20,2%). Một số ý kiến khác cũng đáng lưu ý là tập huấn cho cán bộ lớp, Đoàn, Hội sinh viên để những sinh viên này tập huấn cho các sinh viên còn lại trong lớp (2,6%).

#### 3.4.4. Kiến nghị để việc học tập của sinh viên tốt hơn

**Bảng 3.14.** Kiến nghị để việc học tập của sinh viên tốt hơn

Kiến nghị	n	Tỷ lệ (%)
Tăng thời gian tự học	8	2,3
Nhà trường bán nhiều loại sách hay, bổ ích	6	1,7
Thầy, Cô cung cấp tài liệu tham khảo sau bài học	19	5,5
Tổ chức học nhóm	10	2,9
Đưa bài giảng lên mạng	8	2,3
Có người hướng dẫn cách sử dụng, tìm kiếm tài liệu	15	4,3
Giảm số lượng sinh viên	3	2,3

Để nâng cao chất lượng học tập của sinh viên Y, một số kiến nghị được sinh viên đưa ra bao gồm: Thầy, Cô cung cấp nguồn tài liệu tham khảo uy tín, chất lượng sau mỗi bài học (5,5%), có người hướng dẫn cách sử dụng, tìm kiếm tài liệu (4,3%), tổ chức học nhóm (2,9%). Sinh viên có kiến nghị nhà trường bán nhiều loại sách hay, bổ ích để sinh viên tham khảo (1,7%). Trong thời gian vừa qua, nhà trường đã triển khai quầy hàng lưu niệm để bán những hàng hóa lưu niệm đặc trưng của nhà trường và một số loại sách, sinh viên đưa kiến nghị này có lẽ do chưa biết đến quầy hàng hoặc do đầu sách tham khảo tại quầy chưa phong phú, đa dạng. Cần có các hoạt động quảng bá và đầu tư thêm nguồn sách, hàng hóa để quầy hàng lưu niệm trở thành địa chỉ quen thuộc đối với sinh viên.

#### 3.4.5. Những kỹ năng cần thiết cho sinh viên để việc học tập đạt kết quả cao

**Bảng 3.15.** Những kỹ năng cần thiết cho sinh viên để việc học tập đạt kết quả cao

Kỹ năng	n	Tỷ lệ (%)
Tìm kiếm tài liệu ở thư viện	195	56,4
Tìm kiếm tài liệu trực tuyến	254	73,4
Ngoại ngữ	260	75,1
Phát biểu trước đám đông	176	50,9
Xử lý số liệu	111	32,1
Nghiên cứu khoa học	128	37,0
Sử dụng vi tính thành thạo (Word, Excel, powerpoint)	168	48,6
Khác	3	0,9

Những kỹ năng cần thiết nhất để giúp sinh viên học tập đạt kết quả cao bao gồm: ngoại ngữ (75,1%), tìm kiếm tài liệu trực tuyến (73,4%).

#### 3.4.6. Một số trang web y học giúp sinh viên học tập và hiểu biết thêm về kiến thức y học

**Bảng 3.16.** Một số trang web y học giúp sinh viên học tập và hiểu biết thêm về kiến thức y học

Trang web	n	Tỷ lệ (%)
Facebook	15	4,3
Ykhoa.net	83	24,0
Benhhoc.com	80	23,1
Yhvn.vn	13	3,8
Diendanyduoc.net	28	8,1
Google.com	11	3,2
Emedicine.medscape.com	26	7,5
Dieutri.vn	23	6,7
MIMS.com	1	0,3
Thuocbietduoc.com.vn	6	1,7
Sachyhoc.com	11	3,2
bacsinoitru.net	70	19,9
pubmed (ncbi.nlm.nih.gov/pubmed)	2	0,6
thamkhaoyhoc.org	2	0,6
who.com	2	0,6
yhocduphong.net	2	0,6
Yduoctinhhoa.com	1	0,3

Trang ykhoa.net và benhhoc.com là những trang web giúp ích nhiều nhất cho sinh viên trong học tập (24% và 23,1%).

#### 4. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 346 sinh viên ngành Y từ năm 1 đến năm 6 đang học tại Trường Đại học Y Dược Huế, chúng tôi rút ra những kết luận sau:

##### 4.1. Tình hình sử dụng internet để tìm kiếm tài liệu và phục vụ học tập của sinh viên

- 96,2% sinh viên có sử dụng internet.
- Số năm trung bình sử dụng internet là  $5,7 \pm 3,2$  năm.

- Những nguồn tham khảo chính của sinh viên khi cần tìm tài liệu học tập là internet (93,4%), sách chuyên khảo (66,5%), báo, tạp chí (13,6%)

- 91,6% sinh viên sử dụng internet tại nhà. Những địa điểm khác sinh viên thường sử dụng internet bao gồm mạng wifi tại trường/khoa (15,3%), quán internet/quán café có wifi (12,1%) và trung tâm học liệu (11,8%).

- Người giới thiệu sinh viên sử dụng internet chiếm tỷ lệ cao nhất là bạn bè (49,4%). 39,0% sinh viên tự tìm hiểu để sử dụng internet.

- 79,2% sinh viên sở hữu điện thoại di động có thể truy cập được internet; 69,4% sinh viên sử dụng điện thoại di động để tìm kiếm tài liệu/đọc thông tin phục vụ học tập.

- Trên giảng đường, khi cần tìm câu trả lời cho một vấn đề nào đó 64,7% sinh viên dùng điện thoại để vào mạng tìm kiếm tài liệu.

##### 4.2. Tình hình tập huấn, hướng dẫn tìm kiếm tài liệu trực tuyến cho sinh viên

- 19,9% sinh viên có được hướng dẫn, tập huấn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến.

- Người hướng dẫn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến cho sinh viên chủ yếu là bạn bè (8,1%) và thầy, cô/cán bộ nhà trường (6,7%). 15,9% sinh viên tự tìm hiểu.

- 76,6% sinh viên cho rằng việc hướng dẫn, tập huấn tìm tài liệu trực tuyến cho sinh viên là rất cần thiết hoặc cần thiết.

- Các dự án, Hội sinh viên, Đoàn thanh niên

nên đóng vai trò cầu nối để tổ chức các khóa hướng dẫn, tập huấn tìm kiếm tài liệu cho sinh viên (tương ứng 32,4%; 26,3% và 19,6%).

- 58,99% sinh viên sẵn sàng đóng kinh phí để tham gia lớp hướng dẫn tìm tài liệu trực tuyến.

##### 4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tìm kiếm tài liệu trực tuyến của sinh viên

- Phương tiện sử dụng phục vụ cho việc học tập của sinh viên ngành Y chủ yếu là laptop (80,6%). 1,2% sinh viên không sử dụng máy tính cho việc học.

- Những yếu tố hạn chế việc tìm tài liệu trực tuyến đối với sinh viên là không biết cách tìm tài liệu (49,7%), hoàn cảnh gia đình (45,7%), máy tính không kết nối internet (43,4%).

- 20,2% sinh viên kiến nghị nâng tốc độ đường truyền wifi trong trường. Mô hình ToT (tập huấn cho cán bộ lớp, Đoàn, Hội sinh viên để những sinh viên này tập huấn cho các sinh viên còn lại trong lớp) cũng là biện pháp để phổ biến việc tìm tài liệu trực tuyến trong sinh viên.

- Những kỹ năng cần thiết nhất để giúp sinh viên học tập đạt kết quả cao gồm ngoại ngữ (75,1%), tìm kiếm tài liệu trực tuyến (73,4%).

#### 5. KIẾN NGHỊ

Để nâng cao chất lượng học tập của sinh viên, nhà trường cần có một số hoạt động như sau:

- Nâng tốc độ đường truyền, phủ sóng wifi toàn trường.

- Tổ chức các khóa hướng dẫn sinh viên cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến. Dự án, Hội sinh viên và Đoàn Thanh niên nên là đầu mối tổ chức, tập huấn cho cán bộ lớp, Hội, Đoàn, từ đó nhân rộng ra các lớp để sinh viên nắm bắt được kỹ thuật tìm kiếm tài liệu trực tuyến phục vụ học tập. Bên cạnh đó cũng cần có các biện pháp kiểm soát những nhược điểm, mặt trái của internet.

- Có các hoạt động quảng bá, đồng thời đầu tư các đầu sách chất lượng tại quầy hàng lưu niệm để nơi đây trở thành địa chỉ quen thuộc của sinh viên.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khoa Thư viện thông tin, Trường Đại học văn hóa Hà nội, (2013 [cited 2013]). *Phương pháp tìm kiếm tài liệu tham khảo khoa học*, <http://flis.huc.edu.vn/?p=1104>.
2. Phạm Văn Linh, Đinh Thanh Huệ (2008), *Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe*, Nxb Đại học Huế.
3. Nhóm tác giả Hành Trình Delta (2013 [cited 2013]). *Những lý do giới trẻ thích thú một lớp học trực tuyến*, <http://hanhtrinhdelta.edu.vn/>.
4. Trần Minh Trí, Đỗ Minh Hoàng, ([cited 12/6/2015]). *Thực trạng sử dụng internet và những tác động của internet đến sinh viên trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh*, [www2.hcmuaf.edu.vn/data/tmtri/.../Internet use of students](http://www2.hcmuaf.edu.vn/data/tmtri/.../Internet%20use%20of%20students).
5. Nguyễn Thanh Trung (2013 [cited 2013]). *Khai thác thông tin trên internet phục vụ dạy và học tại Trường Đại học CSND - thực trạng và giải pháp*, <http://www.pup.edu.vn/vi/Nghien-cuu-trao-doi/Khai-thac-thong-tin-tren-internet-phuc-vu-day-va-hoc-tai-Truong-Dai-hoc-CSND---thuc-trang-va-giai-phap-583>.
6. ICTNews (2012 [cited 2013 November]). *Việt Nam vào top 20 quốc gia có nhiều người dùng Internet nhất*, <http://dantri.com.vn/su-kien/viet-nam-va-o-top-20-quoc-gia-co-nhieu-nguoi-dung-internet-nhat-627969.html>.